TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HS-ST
Ngày: 05-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thế Nam và bà Lê Thị Thúy Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Loan - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 6 - Quảng Trị; Địa chỉ số F N, khu phố C, xã T, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2026, của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị đối với bị cáo:

LÊ THỊ THU H, sinh ngày 05 tháng 7 năm 1980 tại Quảng Trị; số CCCD: 045180003055; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Đội 2, Thôn M, xã D, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và con bà Trương Thị T, sinh năm 1953 hiện trú tại Đ, Thôn M, xã D, tỉnh Quảng Trị; chồng: Không có; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" từ ngày 14/11/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trần K, sinh năm 1989; số CCCD: 045089004055; nơi cư trú: Số A đường N, khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Đăng X, sinh năm 1968; số CCCD: 045068000415; nơi cư trú: Số A đường N, khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 05/8/2025, bị cáo Lê Thị Thu H đến nhà ông Trần Đăng X ở số nhà A đường N, khu phố C, phường Q, (Phường 1 cũ), tỉnh Quảng Trị để

tìm gặp ông X với mục đích nói chuyện, giải quyết mâu thuẫn tình cảm với ông X. Do không liên lạc được với ông X, H bực tức ông X, rồi nhìn qua lỗ thông gió thấy bên trong nhà ông X có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 74E1-033.64, bị cáo nghĩ xe này là của ông X nên đã nảy sinh ý định đốt xe của ông X (thực tế xe này thuộc sở hữu của ông Trần K, sinh năm 1989, là con trai của ông Trần Đăng X). H lấy 01 cành cây khô, dài khoảng hơn 2m ở bãi đất trống sát bên nhà ông X, lấy 01 mảnh vải màn nhặt ở sân nhà ông X buộc vào đầu cành cây, rồi dùng bật lửa châm cháy phần vải màn, sau đó đưa qua lỗ thông gió rồi đặt lên xe mô tô. Khi thấy xe bóc cháy thì H bỏ đi. Đến khoảng 23 giờ 57 phút cùng ngày, ông Trần K phát hiện xe mô tô của mình bị bốc cháy nên đã tiến hành dập lửa và trình báo cơ quan Công an. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Lê Thị Thu H đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 4404/KL-HĐĐG ngày 21/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: *01 xe mô tô BKS 74E1-033.64, nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn bạc-xanh, xe đã bị cháy, không còn nguyên hình dạng ban đầu, đã bị hủy hoại hoàn toàn, không có khả năng khắc phục, sửa chữa, giá trị tại thời điểm ngày 05/8/2025 là 10.333.000 đồng*.

Tại Kết luận giám định số 992/KL-KTHS ngày 31/8/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: *Vùng cháy đầu tiên trong vụ cháy xe mô tô biển kiểm soát 74E1-033.64 tại số nhà A đường N thuộc khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị của ông Trần Đăng X vào ngày 05/8/2025 là: Khu vực tương ứng phía trước bình xăng đến cổ xe mô tô biển kiểm soát 73E1-033.64. Không đủ cơ sở xác định nguyên nhân cháy*.

Cáo trạng số 23/CT-VKSKV6 ngày 12/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị truy tố Lê Thị Thu H về tội *"Hủy hoại tài sản"* theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội *"Hủy hoại tài sản"* và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách ấn định theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự thỏa thuận, bị cáo H phải bồi thường thêm cho bị hại Trần K số tiền 6.000.000 đồng. Về vật chứng và tài sản thu giữ: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 bật lửa nhãn hiệu Viva Giang Đạt T1, màu xanh; 01 cành cây khô, dài 2,4m, phần cổ cành cây bị cháy, bám dính mụi than đen; 01 vật có dạng dây kéo bằng nhựa, phần dây kéo bị nung nhiệt, bám dính mụi than đen, biến dạng, biến đổi màu sắc kích thước. Trả lại cho bị cáo Lê Thị Thu H 01 xe mô tô BKS 74F1-437.50, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh-bạc, xe

đã qua sử dụng. Về án phí: bị cáo Lê Thị Thu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Thị Thu H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo sẽ tiếp tục bồi thường cho ông Trần K số tiền còn lại là 6.000.000 đồng. Bị hại ông Trần K đã nhận lại xe mô tô BKS 74E1-033.64 đã bị bị cáo Hà đốt cháy, ông K đã bán phế liệu được được 333.000 đồng. Bị cáo H đã bồi thường cho ông K được 4.000.000 đồng, Hội đồng định giá xe mô tô của ông đã bị cháy là 10.333.000 đồng, ông K yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho ông là 6.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần X trình bày: ông là người đã cho bị cáo H ở nhờ trong nhà của ông để đi làm trong thời gian 02 năm, bị cáo H đến nhà tìm ông X nhưng không gặp được ông X nên đã đốt xe của ông nhưng thực tế xe mô tô bị đốt cháy là xe của con trai ông X. Tuy nhiên vì hoàn cảnh bị cáo H rất khó khăn nên ông X không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan tiến hành tố tụng thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 05/8/2025, tại số A đường N, khu phố C, phường Q, (Phường A cũ), tỉnh Quảng Trị, bị cáo Lê Thị Thu H đã có hành vi hủy hoại xe mô tô biển kiểm soát BKS 74E1-033.64 của ông Trần K có giá trị 10.333.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 4404/KL-HĐĐG ngày 21/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Hủy hoại tài sản*" được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự xã hội và công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn phường Q. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, cần buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng

ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Sau khi phạm tội, mặc dù bị cáo rất khó khăn về kinh tế, tuy nhiên bị cáo đã bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quá trình nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú theo dõi cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tại phiên tòa và phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, vì vậy cần phải ban hành Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" số 02/2026/HSST-LCĐKNCT ngày 12/01/2026 của Tòa án đối với bị cáo Lê Thị Thu H theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại là ông Trần K đã nhận lại tài sản xe mô tô BKS 74E1-033.64 và bán phế liệu được 333.000 đồng, bị cáo H đã bồi thường cho ông Trần K số tiền 4.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng bị cáo chưa bồi thường cho ông K. Tại phiên tòa, bị cáo H và ông Trần K thỏa thuận: bị cáo H tiếp tục bồi thường thêm cho ông K 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: việc bị cáo và bị hại thỏa thuận số tiền bồi thường thiệt hại như vậy là tự nguyện, đúng quy định tại khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về vật chứng và tài sản thu giữ:

Đối với 01 bật lửa nhãn hiệu Viva Giang Đạt T1, màu xanh; 01 cành cây khô, dài 2,4m, phần cổ cành cây bị cháy, bám dính mụi than đen; 01 vật có dạng dây kéo bằng nhựa, phần dây kéo bị nung nhiệt, bám dính mụi than đen, biến dạng, biến đổi màu sắc kích thước. Đây là công cụ mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội và là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với xe mô tô BKS 74F1-437.50, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh-bạc, xe đã qua sử dụng. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe trên không liên quan đến vụ án, cần trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu là bị cáo H theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 6.000.000 đồng mà bị cáo phải bồi thường cho ông Trần K theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, I, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025), tuyên xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Thu H** phạm tội "Hủy hoại tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H **15** (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/02/2026.

Giao bị cáo Lê Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân xã D, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã D trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách của án treo, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc: Bị cáo Lê Thị Thu H phải bồi thường cho ông Trần K số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng chẵn).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bật lửa nhãn hiệu Viva Giang Đạt T1, màu xanh; 01 cành cây khô, dài 2,4m, phần cổ cành cây bị cháy, bám dính mụi than đen; 01 vật có dạng dây kéo bằng nhựa, phần dây kéo bị nung nhiệt, bám dính mụi than đen, biến dạng, biến đổi màu sắc kích thước (4x0,5).

- Trả lại cho bị cáo Lê Thị Thu H 01 xe mô tô biển kiểm soát 74F1-437.50, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh-bạc.

(Đặc điểm của vật chứng nêu ở trên được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6-Quảng Trị).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị Thu H, ông Trần K, ông Trần Đăng X có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 6-Quảng Trị;
- THADS khu vực 6-Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Phan Đăng Khoa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

.